

Số: **7168/QĐ** - BYTHà Nội, ngày **30** tháng **11** năm 2018**QUYẾT ĐỊNH****Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện Đại học Y Dược SHING MARK****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ - CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013;

Xét Tờ trình số 4091/TTTr-SYT ghi ngày 17/9/2018 của SYT Đồng Nai đề nghị phê duyệt DMKTCM bổ sung đối với Bệnh viện Đại học Y Dược Shing Mark; Biên bản thẩm định ghi ngày 27/8/2018; DMKTCM do Sở Y tế thẩm định đối với Bệnh viện Đại học Y Dược Shing Mark của Sở Y tế Đồng Nai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh – Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép Bệnh viện Đại học Y Dược SHING MARK (địa chỉ: Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) thực hiện bổ sung 280 kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT - BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.**Điều 2.** Bệnh viện Đại học Y Dược SHING MARK phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.**Điều 4.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược SHING MARK và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiên (để báo cáo);
- SYT tỉnh Đồng Nai (để phối hợp);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Việt Tiên**

**PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC SHING MARK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7168/QĐ-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật đối với
Bệnh viện Đại học Y Dược Shing Mark)*

III. NHI KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

STT	STT Theo TT43 & TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		XV. UNG BƯỚU-NHI
		M. XẠ TRỊ-HÓA TRỊ LIỆU
1	2805	Điều trị giảm đau cho bệnh nhân ung thư
2	2806	Chọc hút tế bào chẩn đoán
3	2807	Sinh thiết khối u bằng kim nhỏ
4	2808	Sinh thiết khối u ở sâu bằng kim có nòng dưới hướng dẫn của siêu âm

XII. UNG BƯỚU

STT	STT Theo TT43 & TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. ĐẦU-CỔ
5	2	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
6	3	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
7	4	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
8	5	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ phức tạp
9	6	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm
10	7	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
11	10	Cắt các u lành vùng cổ
12	11	Cắt các u lành tuyến giáp
13	12	Cắt các u nang giáp móng
14	13	Cắt các u nang mang
15	14	Cắt các u ác tuyến mang tai
16	15	Cắt các u ác tuyến giáp
17	16	Cắt các u ác tuyến dưới hàm
		B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG
18	23	Cắt u hố sau u góc cầu tiểu não
19	24	Cắt u hố sau u tiểu não

20	25	Cắt u hố sau u nguyên bào mạch máu
21	26	Cắt u màng não nên sọ
22	27	Cắt u não vùng hố sau
23	28	Cắt u liềm não
24	29	Cắt u lều tiểu não
25	30	Cắt u não cạnh đường giữa
26	31	Cắt u góc cầu tiểu não qua đường mê nhĩ
27	32	Cắt u não thất
28	33	Cắt u bán cầu đại não
29	34	Cắt u tủy cổ cao
30	35	Cắt u tủy
31	36	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tủy
32	37	Cắt u vừng hang và u mạch não
33	38	Cắt cột tủy sống trong u tủy
34	39	Cắt u vùng đuôi ngựa
35	40	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tủy
36	41	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng
37	42	Phẫu thuật dị dạng lạc chỗ tế bào thần kinh Hamartome
38	43	Quang động học (PTD) trong điều trị u não ác tính
39	44	Cắt u dây thần kinh ngoại biên
		C. HÀM-MẶT
40	45	Cắt u cơ vùng hàm mặt
41	46	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản
42	47	Cắt u vùng hàm mặt phức tạp
43	48	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ
44	49	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ
45	50	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật từ xa
46	53	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng vật tại chỗ
47	54	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng ghép da hoặc niêm mạc
48	55	Cắt u máu – bạch mạch vùng hàm mặt
49	62	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt
50	63	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vật tại chỗ
51	64	Cắt nang vùng sàn miệng
52	65	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm
53	68	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm
54	69	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm
55	77	Cắt u môi lạnh tính có tạo hình
56	78	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm
57	79	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính trên 5 cm
58	80	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt
59	82	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
60	86	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm
61	87	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi
62	88	Cắt u tuyến nước bọt phụ
63	89	Cắt u tuyến nước bọt mang tai

64	90	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm
65	91	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
66	92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
67	93	Vết hạch cổ bảo tồn
		D. MẮT
68	97	Cắt u mi cả bề dày không vá
69	98	Cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da
70	102	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
71	103	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
72	104	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình
73	105	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình
74	106	Cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
75	107	Cắt u kết mạc không vá
76	108	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc
77	109	Cắt u tiền phòng
78	110	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt
		Đ. TAI-MŨI-HỌNG
79	113	Cắt u xơ vòm mũi họng
80	114	Mở đường dưới thái dương (Ugo-Fish) lấy khối u xơ vòm mũi họng
81	115	Cắt u họng - thanh quản bằng laser
82	116	Cắt hạ họng bán phần
83	117	Cắt u thành họng bên có nạo hoặc không nạo hạch cổ
84	118	Cắt u vùng họng miệng có tạo hình
85	119	Cắt toàn bộ hạ họng-thực quản, tái tạo ống họng thực quản bằng dạ dày-ruột
86	120	Cắt u thành bên họng
87	121	Cắt u thành sau họng
88	122	Cắt u thành bên lan lên đáy sọ
89	123	Cắt u khoang bên họng lan đáy sọ
90	124	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser
91	125	Cắt u lành tính dây thanh
92	126	Cắt u lành tính thanh quản
93	127	Cắt u nhú thanh quản bằng laser
94	128	Cắt u lành thanh quản bằng laser
95	129	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser
96	130	Cắt thanh quản bán phần
97	131	Cắt toàn bộ thanh quản và một phần họng có vết hạch hệ thống
98	132	Phẫu thuật ung thư thanh môn có bảo tồn thanh quản
99	133	Rút ống nông thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản
100	134	Cắt u hạ họng qua đường cổ bên
101	135	Cắt u lưỡi lành tính
102	136	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ
103	137	Cắt một nửa lưỡi + vết hạch cổ
104	138	Cắt bán phần lưỡi có tạo hình bằng vạt cân cơ
105	139	Cắt ung thư lưỡi - sàn miệng, nạo vết hạch và tạo hình bằng vạt từ xa
106	140	Cắt ung thư lưỡi, nạo vết hạch và tạo hình bằng vạt từ xa

107	141	Cắt khối u khẩu cái
108	142	Cắt bỏ khối u màn hầu
109	143	Cắt u màn hầu có tạo hình vạt cân cơ niêm mạc
110	144	Cắt ung thư sàng hàm
111	145	Phẫu thuật u sàng hàm lan đáy sọ phối hợp đường cạnh mũi và đường Bicornal
112	146	Cắt ung thư tai-xương chũm và nạo vét hạch
113	147	Cắt u amidan
114	148	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vét hạch cổ
115	149	Cắt lạnh u máu hạ thanh môn
116	150	Cắt lạnh u máu vùng tai mũi họng
117	151	Cắt u cuộn cảnh
118	152	Cắt u dây thần kinh VIII
119	153	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII
120	154	Cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn
121	155	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên
122	156	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 2 bên
123	157	Cắt u nhái sàn miệng
124	158	Phẫu thuật mổ u nang sàn mũi
125	159	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi
126	160	Tạo hình cánh mũi do ung thư
127	161	Cắt polyp ống tai
128	162	Cắt polyp mũi
129	163	Cắt u xương ống tai ngoài
130	164	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm
131	165	Súc rửa vòm họng trong xạ trị
		E. LỒNG NGỰC-TIM MẠCH-PHỔI
132	166	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết
133	167	Cắt u xương sườn 1 xương
134	169	Phẫu thuật bóc kén màng phổi
135	170	Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi
136	172	Phẫu thuật bóc u thành ngực
137	173	Cắt u xương sườn nhiều xương
138	178	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản
139	179	Cắt một thùy kèm cắt một phân thùy điển hình do ung thư
140	180	Cắt thùy phổi, phân phổi còn lại
141	181	Cắt một bên phổi do ung thư
142	182	Cắt một thùy phổi hoặc một phân thùy phổi do ung thư
143	186	Cắt phổi và màng phổi
144	187	Cắt phổi không điển hình do ung thư
145	188	Cắt u trung thất
146	190	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm
147	191	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm
148	194	Phẫu thuật vét hạch nách
		G. TIÊU HÓA-BỤNG
149	199	Cắt dạ dày do ung thư
150	200	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét

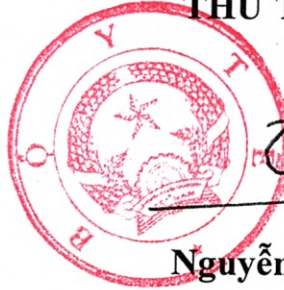
		hạch hệ thống D1 hoặc D2
151	201	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vét hạch hệ thống
152	202	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non
153	203	Mở thông dạ dày ra da do ung thư
154	205	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư và vét hạch hệ thống
155	206	Cắt lại đại tràng do ung thư
156	207	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo có hoặc không vét hạch hệ thống
157	208	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma do ung thư có hoặc không vét hạch hệ thống nối ngay
158	209	Cắt một nửa đại tràng phải, trái do ung thư kèm vét hạch hệ thống
159	210	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới
160	211	Cắt đoạn trực tràng do ung thư, cắt toàn bộ mạc treo trực tràng (TME).
161	212	Cắt cắt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn
162	213	Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn
163	215	Làm hậu môn nhân tạo
164	216	Cắt u sau phúc mạc
165	217	Cắt u mạc treo có cắt ruột
166	218	Cắt u mạc treo không cắt ruột
167	219	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc
		H. GAN-MẬT-TỤY
168	222	Cắt phân thủy gan
169	227	Cắt chỏm nang gan bằng nội soi hay mở bụng
170	233	Thắt động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật
171	234	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ
172	235	Cắt đường mật ngoài gan điều trị ung thư ống mật chủ
173	236	Nối mật-Hồng tràng do ung thư
174	237	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư
175	238	Đốt nhiệt cao tần khối u ác tính vùng đầu tụy
176	239	Cắt đuôi tụy và cắt lách
177	240	Cắt bỏ khối u tá tụy
178	241	Cắt thân và đuôi tụy
179	242	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách
		I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
180	243	Cắt u bàng quang đường trên
181	244	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang
182	245	Cắt toàn bộ bàng quang, kèm tạo hình ruột - bàng quang
183	246	Cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình bàng quang bằng ruột trong điều trị ung thư bàng quang
184	247	Cắt nang niệu quản
185	248	Cắt túi thừa niệu đạo
186	249	Cắt rộng u niệu đạo, vét hạch
187	250	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang
188	251	Cắt tinh hoàn bằng xạ trị cho điều trị ung thư tinh hoàn
189	252	Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư
190	253	Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vét hạch bẹn hai bên

191	254	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư
192	256	Cắt u thận lạnh
193	257	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu
194	258	Cắt bướu nephroblastome sau phúc mạc
195	259	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống
196	260	Cắt toàn bộ thận và niệu quản
197	261	Cắt u sùi đầu miệng sáo
198	262	Cắt u nang thừng tinh
199	263	Cắt nang thừng tinh một bên
200	264	Cắt nang thừng tinh hai bên
201	265	Cắt u lạnh dương vật
202	266	Cắt bỏ dương vật ung thư có vét hạch
		K. VÚ-PHỤ KHOA
203	267	Cắt u vú lành tính
204	268	Mổ bóc nhân xơ vú
205	269	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú
206	270	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách
207	271	Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên
208	272	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú
209	273	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú
210	274	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay
211	275	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú
212	276	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú
213	277	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú
214	278	Cắt polyp cổ tử cung
215	279	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
216	280	Cắt u nang buồng trứng xoắn
217	281	Cắt u nang buồng trứng
218	282	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
219	283	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ
220	284	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
221	285	Phẫu thuật mở bụng/nội soi bóc u lành tử cung
222	286	Điều trị u lành tử cung bằng nút động mạch
223	287	Cắt u xơ cổ tử cung
224	288	Nạo buồng tử cung chẩn đoán
225	289	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung
226	290	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)
227	291	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng
228	292	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên
229	293	Phẫu thuật Wertheim- Meig điều trị ung thư cổ tử cung
230	294	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung
231	295	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
232	296	Phẫu thuật vét hạch chậu qua nội soi hỗ trợ cắt tử cung đường âm đạo trong ung thư niêm mạc tử cung

233	297	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng
234	298	Cắt bỏ tạng trong tiểu khung, từ 2 tạng trở lên
235	299	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai
236	300	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng
237	301	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng
238	302	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo
239	303	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung
240	304	Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên
241	305	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần
242	306	Cắt u thành âm đạo
243	307	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vật tự thân
244	308	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các chất liệu độn
245	309	Bóc nang tuyến Bartholin
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP
246	310	Cắt u thần kinh
247	311	Cắt u xơ cơ xâm lấn
248	312	Cắt rộng thương tổn phần mềm do ung thư + cắt các cơ liên quan
249	313	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm
250	314	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10cm
251	315	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó
252	316	Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và trên 10cm
253	317	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm
254	318	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm
255	319	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm
256	320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm
257	321	Cắt u bao gân
258	322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)
259	323	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam
260	324	Cắt u xương sụn lành tính
261	325	Cắt u xương, sụn
262	338	Bơm xi măng vào xương điều trị u xương
263	339	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương
264	340	Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương
		M. XẠ TRỊ-HÓA TRỊ LIỆU
265	362	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng I ¹³¹
266	363	Điều trị ung thư tuyến giáp biệt hóa bằng I ¹³¹
267	364	Hóa trị liều cao
268	365	Hóa trị liều cao kết hợp với truyền tế bào gốc tạo máu
269	366	Hóa trị liên tục (12-24 giờ) bằng máy
270	367	Truyền hóa chất động mạch
271	368	Truyền hóa chất tĩnh mạch
272	369	Truyền hóa chất khoang màng bụng
273	370	Truyền hóa chất khoang màng phổi
274	371	Truyền hóa chất nội tủy

275	372	Gây dính màng phổi bằng bơm hóa chất màng phổi
276	373	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư
277	374	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi
278	375	Điều trị ung thư bằng nghiệm pháp gene
279	376	Điều trị u máu bằng hóa chất
280	377	Điều trị đích trong ung thư

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiên